

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị
về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển
bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ, đúng đắn và triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng; tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của toàn Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và nhân dân để đưa công nghệ sinh học trở thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng, phục vụ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Lâm Đồng.

Tạo các cơ chế, chính sách và điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trên tất cả các lĩnh vực, trọng tâm là nông nghiệp, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và y tế.

Khai thác, sử dụng điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng và các nguồn nhân lực, khoa học công nghệ để phát huy lợi thế, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên các lĩnh vực chủ lực, thế mạnh của tỉnh (*về phát triển giống cây trồng, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, y tế, bảo vệ môi trường*).

2. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, nhân dân nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần đổi mới, sáng tạo trong thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò của các viện, trường, đơn vị nghiên cứu khoa học và khối kinh tế tư nhân trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học.

Huy động tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, kết hợp nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển các chương trình, dự án, công trình khoa học để giải quyết các vấn đề bức xúc cần ứng dụng công nghệ sinh học của các ngành, lĩnh vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng, đóng góp giá trị gia tăng cao cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, y tế, góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; từng bước đưa Lâm Đồng trở thành một trong những trung tâm công nghệ sinh học hàng đầu trong nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Làm chủ được công nghệ tế bào thực vật thể hệ mới trong nghiên cứu, chọn tạo và nhân giống cây trồng quy mô công nghiệp và sản xuất các loại nấm, dược liệu cao cấp; khu vực thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận hình thành công nghiệp sản xuất giống cây trồng invitro với sản lượng trên 150 triệu cây giống/năm.

Phát triển công nghệ sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, thiên địch thay thế 25% các sản phẩm hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học trong bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản; qua đó nâng cao 15% giá trị sản phẩm.

Ứng dụng công nghệ sinh học hiệu quả trong quản lý bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học; tăng dần tỷ lệ các loại chất thải hữu cơ có thể tái chế bằng các biện pháp sinh học đạt trên 20% chất thải phát sinh.

Kịp thời tiếp cận và ứng dụng các quy trình kỹ thuật, công nghệ ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại trong y tế tại địa phương,

Doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và giá trị sản phẩm.

3. Tầm nhìn đến 2045

Lâm Đồng trở thành Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất giống cây trồng. Công nghiệp sinh học đóng góp trên 15% GRDP của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền đầy đủ, đúng đắn, sâu sắc Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân toàn tỉnh nhằm tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

Phát triển công nghệ sinh học là xu thế của thế giới; là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp, thiết thực và hiệu quả; tạo nhận thức đúng và phong trào mạnh mẽ trong ứng dụng công nghệ sinh học trong từng ngành lĩnh vực phù hợp với điều kiện, khả năng thực tế.

2. Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ứng dụng công nghệ sinh học

Tiếp tục cụ thể hóa cơ chế chính sách của Trung ương tạo khung pháp lý cho việc phát triển ứng dụng công nghệ sinh học; chú trọng tạo các hành lang pháp lý chặt chẽ nhưng thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động phát triển công nghệ sinh học.

Thực thi có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, vay vốn, hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ, phát triển thị trường công nghệ tiên tiến từ nước ngoài cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.

Rà soát, áp dụng các quy định liên quan xây dựng các cơ chế chính sách riêng của tỉnh để thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học; đầu tư các dự án nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm về công nghệ sinh học; khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm sinh học có giá trị cao, xuất khẩu.

Tạo cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý ngành, đơn vị nghiên cứu của nhà nước với các tổ chức cá nhân trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực thế mạnh; từng bước hình thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Trong nông nghiệp

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống cây trồng quy mô công nghiệp bằng công nghệ tế bào thực vật (invitro), đặc biệt là ứng dụng công nghệ nuôi cấy đỉnh sinh trưởng để tạo giống sạch bệnh vi-rút; hình thành ngành công nghiệp sản xuất giống cây trồng mang tầm khu vực với sản lượng trên 150 triệu cây giống/năm; giá trị đạt trên 20 triệu USD/năm.

- Tiếp cận các tiến bộ công nghệ gen thế hệ mới trong nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng và cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng nông lâm nghiệp, tăng tính chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu và có năng suất chất lượng cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trên đàn vật nuôi; nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật mới nhằm nâng cao tỷ lệ thụ thai; đồng thời tiếp tục hỗ trợ công nghệ phối giống tinh phân biệt giới tính, kỹ thuật cấy truyền phôi (*phôi thường, phôi phân biệt giới tính*) trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt; ứng dụng quy trình sử dụng phôi chất lượng cao.

- Mở rộng và phát triển ngành sản xuất nấm dược liệu quy mô lớn, có hàm lượng dược chất cao phục vụ sản xuất các loại thực phẩm chức năng, dược liệu.

- Triển khai nghiên cứu, phát triển các công nghệ sinh học thế hệ mới; tiếp cận và làm chủ công nghệ tạo các chế phẩm sinh học, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, vắc xin... tiến tới thay thế dần các sản phẩm nguồn gốc hóa học. Lựa chọn, nhân nuôi các loài thiên địch có ích phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng và thân thiện với môi trường.

- Phát triển ứng dụng các kit chẩn đoán, giám định tác nhân gây hại cây trồng, vật nuôi; kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chất cấm trong chăn nuôi.

- Hình thành cơ sở dữ liệu ADN/barcode/chỉ thị phân tử đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng và phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với nông sản của tỉnh.

3.2. Trong công nghiệp

- Ứng dụng thành tựu của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong công nghiệp sinh học; phát triển, hiện đại hoá công nghiệp chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học.

- Xây dựng và mở rộng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến các loại nông sản chủ lực của tỉnh để giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch; đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản quy mô lớn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzyme, protein để sản xuất, chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tạo sản phẩm sợi sinh học sử dụng trong xây dựng và gia dụng; phát triển và ứng dụng công nghệ nuôi cấy vi tảo trong sản xuất ethanol sinh học, diesel sinh học.

3.3. Trong y tế

- Tăng cường nghiên cứu, tiếp nhận và triển khai ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng các sinh phẩm, vắc-xin trong giám sát phát hiện, dự phòng các bệnh dịch lưu hành tại địa phương, các bệnh dịch mới nổi; sử dụng công nghệ tế bào gốc, các loại thuốc sinh học trong khám chữa bệnh.

- Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình công nghệ chiết xuất, thu nhận các hoạt chất từ các loại cây dược liệu và chế tạo các loại dược phẩm, thực phẩm chức năng.

3.4. Trong bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên; góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, phát triển công nghệ sinh học; liên kết nâng cao năng lực quản lý công nghệ sinh học trong lĩnh vực môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ sinh học trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư mới; ưu tiên áp dụng các công nghệ

xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học trong triển khai thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường.

4. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ sinh học

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về công nghệ sinh học gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phối hợp với các Viện, Trường Đại học thực hiện đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên ngành công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh; có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ, chuyên gia công nghệ sinh học có trình độ cao về công tác tại địa phương.

Đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo về công nghệ sinh học; gắn đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn đảm bảo nguồn nhân lực về công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu phát triển.

Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ chế biến và bảo quản nông sản, phát triển bền vững. Hỗ trợ các doanh nghiệp hiện đại hóa công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ quốc tế.

Đầu tư nâng cao năng lực và đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng về công nghệ sinh học trên địa bàn, chú trọng phát triển các đơn vị nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học

Tăng cường liên kết, hợp tác với các nước có nền công nghệ sinh học phát triển như Thái Lan, Nhật, Hàn Quốc, Úc, Israel... để tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ, quy trình sản xuất hiện đại.

Kịp thời thông tin nội dung các thỏa thuận, các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia để các tổ chức, cá nhân nắm, chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, công nghệ phù hợp.

Tham gia, tổ chức các hoạt động kết nối, các hội nghị diễn đàn hợp tác về công nghệ sinh học trong nước và tại các nước có nền công nghệ sinh học phát triển.

Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; đặc biệt là các dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- TTTU, TT. HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH, xã hội nghề nghiệp tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Quận